TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2017.
"V/v Ly hôn, quyền nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Song.
2. Ông Dương Văn Đến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 162/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc: "Ly hôn, quyền nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Thúy L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đặng Thị Diễm L, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1999.
- Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2003.

(Cháu T và cháu L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 03 tháng 5 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Văn T trình bày: anh và chị L đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 10 năm 2003. Trong quá trình chung sống có con

chung tên Đặng Thị Diễm L và Đặng Thị Cẩm T. Do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết: anh yêu cầu ly hôn với chị L; về con chung cháu T và L anh đồng ý giao cho chị L tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn chị Võ Thị Thúy L vắng mặt nên không có lời khai.

Trong bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Thị Cẩm T và cháu Đặng Thị Diễm L trình bày: khi cha mẹ 02 cháu ly hôn thì các cháu yêu cầu được ở với mẹ là chị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm: anh T vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung có 02 cháu tên T và L, anh đồng ý giao 02 cháu cho chị L tiếp tục nuôi và anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung là không có, anh không yêu cầu gì khác.

Đối với chị L được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử đến lần thứ hai do bà Mai Thị Cục là mẹ của chị L nhận thay và có cam kết giao lại cho chị L các văn bản tố tụng đã nhận, cháu T và cháu L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 5 Điều 177; điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và cháu L, cháu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: ly hôn, về quyền nuôi con chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về hôn nhân: anh Đặng Văn T và chị Võ Thị Thúy L kết hôn với nhau năm 1998, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh năm 2002, theo giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 04 tháng 11 năm 2002, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và hai người không còn chung sống với nhau cho đến nay, nguyên nhân theo anh T xác nhận do chị L không chăm sóc gia đình, chăm sóc cho anh, sống chung không hạnh phúc. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị L hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử vào các ngày 26 tháng 5; ngày 26 tháng 6 và ngày 14, ngày 24 cùng tháng 7, cùng năm 2017 mà chị L không có mặt, cũng không có văn bản phản bác các yêu cầu của anh T, coi như chị L từ bỏ quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích pháp của mình. Bên cạnh đó anh T đồng ý xét xử vắng mặt chị L vì cho rằng chị L cũng đồng ý ly hôn theo anh yêu cầu. Căn cứ vào lời khai xác nhận của anh T trong quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa anh T với chị L là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L.

[3] Về con chung: theo anh T khai xác nhận anh với chị L có 02 con chung tên Đặng Thị Diễm L, Đặng Thị Cẩm T và tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án 02 cháu sống chung với chị L, cũng như theo nguyên vọng của hai cháu là yêu cầu được sống chung với chị L, nên anh đồng ý để 02 con sống chung với chị L sau khi anh với chị L ly hôn với nhau và anh T không cấp dưỡng cho con, chị L thì không có văn bản phản đối về các yêu cầu này của anh T. Nên có cơ sở giao cháu T, cháu L cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và không đặt ra xem xét về vấn đề cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác định không có, chị L không có văn bản phản đối, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; 53; 54; 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn T.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho anh Đặng Văn T được ly hôn với chị Võ Thị Thúy L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Diễm L, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1999 và Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2003 cho chị Võ Thị

Thúy L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và xem xét về vấn đề cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí sơ thẩm: anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010085 ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, anh T không phải nộp tiếp. Chị Võ Thị Thúy L không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

Phạm Hoàng Nguyên